TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2018/DS-PT
Ngày: 23-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

Bà **Đặng Thị Đồng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh***: Ông **Trần Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLPT-DS ngày 19-3-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông **Hồ Văn Q**, sinh năm: 1958 (Có mặt);

Bà **Vương Thị L**, sinh năm: 1954 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q, bà L: Luật sư **Nguyễn Thanh H**, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Ngày 29-10-2015 âm lịch, bà cho ông Q bà L vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng trong giấy nợ ghi ngày 30-10-2015 âm lịch. Ngày 10-4-2016 âm lịch, bà cho ông Q, bà L vay số tiền 28.000.000 đồng, cả hai lần vay ông Q đều có viết giấy nợ do ông Q tự viết và ký tên, thỏa thuận vay 01 tháng, lãi suất 5%/ tháng. Sau đó ông Q bà L không trả tiền nợ lãi và tiền nợ gốc cho bà.

Ngoài ra ông Q bà L còn tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ thảo:

- Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng mở ngày 25-8-2015 âm lịch, gồm 19 phần, ông Q bà L tham gia 01 phần. Ông Q bà L lĩnh hụi lần đầu tiên bỏ thăm 2.800.000 đồng, ông bà nhận được số tiền 124.600.000 đồng. Sau đó ông Q, bà L góp được 09 lần hụi chết và còn nợ lại 9 lần với số tiền 90.000.000 đồng.

- Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng mở ngày 06-4-2016 âm lịch, gồm 18 phần, ông Q bà L tham gia 01 phần. Ông Q bà L lĩnh hụi lần đầu tiên, bỏ thăm 2.800.000 đồng, ông bà nhận được số tiền 117.400.000 đồng. Sau đó, ông Q bà L góp được 01 lần hụi chết và còn nợ lại 16 lần với số tiền 160.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông Q và bà L trả cho bà số tiền nợ vay là 128.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật 0,83%/ tháng. Đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 10-12-2015 dương lịch đến ngày xét xử, đối với khoản tiền vay 28.000.000 đồng tính lãi từ ngày 16-5-2016 dương lịch đến ngày xét xử. Riêng tiền hụi, tại đơn khởi kiện bà yêu cầu tính lãi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà không yêu cầu tính lãi. Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Bị đơn ông Hồ Văn Q trình bày:

Ông thừa nhận có ký giấy mượn bà T số tiền 100.000.000 đồng nhưng thực tế ông không nhận tiền mặt mà là viết giấy nợ cho khoản tiền lãi của các lần vay trước đó còn nợ lại.

Đối với dây hụi ngày 25-8-2015 ông thừa nhận có tham gia. Nhưng thực tế khi lĩnh hụi ông không nhận tiền mặt mà bà T khấu trừ số tiền nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi gì đó ông không nhớ rõ. Dây hụi này ông góp được 11 lần hụi chết nên chỉ còn nợ lại 07 lần với số tiền 70.000.000 đồng.

Trong khi ông không có khả năng góp hụi chết thì bà T kêu ông tham gia tiếp dây hụi thứ hai ngày 06-4-2016 âm lịch và cho rằng nếu tham gia thì lĩnh được 117.400.000 đồng, bà T sẽ khấu trừ số tiền 70.000.000 đồng của dây hụi trước còn lại bao nhiêu thì bà T giao tiền mặt cho vợ chồng ông nhưng ông không đồng ý tham gia.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì ông chỉ còn nợ bà T 70.000.000 đồng tiền hụi và 28.000.000 đồng tiền vay.

Bị đơn bà Vương Thị L trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Q.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, họ, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Hồ Văn Q và bà Vương Thị L về tranh chấp "Hợp đồng vay và hợp đồng góp hụi".

Buộc ông Hồ Văn Q và bà Vương Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T tiền nợ vay gốc và lãi là 150.950.000 (một trăm năm chục triệu chín trăm năm chục ngàn) đồng và tiền nợ hụi là 250.000.000 (hai trăm năm chục triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về tiền lãi đối với khoản tiền hụi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-02-2018, ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án, với lý do ông bà chỉ còn nợ bà T 70.000.000 đồng tiền hụi và 28.000.000 đồng tiền vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị T và ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L tự nguyện thống nhất thỏa thuận như sau: Trong số tiền nợ lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 22.950.000 đồng, bà T đồng ý giảm cho ông Q, bà L số tiền nợ lãi là 12.950.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Q, bà L trả cho bà 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản tiền nợ vay 128.000.000 đồng. Ông Q, bà L thống nhất thỏa thuận với bà T về việc bà T giảm cho ông Q, bà L 12.950.000 đồng tiền lãi và đồng ý trả cho bà T 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản tiền vay 128.000.000 đồng. Ông Q, bà L và bà T thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông Q, bà L trả cho bà T số tiền vay nợ gốc và nợ lãi là 138.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 388.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – Luật sư Nguyễn Thanh H trình bày: Sự thỏa thuận của bà T và ông Q, bà L tại phiên tòa phúc thẩm không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L phải trả cho bà Trương Thị T số tiền nợ vay gốc và lãi là 150.950.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 128.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 22.950.000 đồng) và tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng. Ông Q, bà L kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền nợ hụi là 70.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 28.000.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q, bà L thay đổi yêu cầu kháng cáo và tự nguyện thỏa thuận với bà T thống nhất việc giải quyết vụ án như sau:

Bà Trương Thị T giảm cho ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L số tiền lãi là 12.950.000 đồng. Ông Q, bà L và bà T thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông Q, bà L trả cho bà T số tiền vay nợ gốc là 128.000.000 đồng và nợ lãi là 10.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 388.000.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm theo thỏa thuận như trên.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Ông Q, bà L phải trả cho bà T số tiền tổng cộng là 388.000.000 đồng nên tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là: 388.000.000 đồng x 5% = 19.400.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nên ông Q, bà L phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 217, 218, 219 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Trương Thị T và bị đơn ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Hồ Văn Q và bà Vương Thị L về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Buộc ông Hồ Văn Q và bà Vương Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T tiền nợ vay gốc và lãi là 138.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 388.000.000 đồng (ba trăm tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về tiền lãi đối với khoản tiền hụi.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn Q và bà Vương Thị L phải chịu 19.400.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị T được nhận lại số tiền 10.113.000 đồng (mười triệu một trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0012656 ngày 17-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn Q, bà Vương Thị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013099 ngày 23-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Ánh Nguyệt